

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 23/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0027	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/5/2000				
2	TA0028	Vũ Thị Thu Hiền	11/9/1999				
3	TA0029	Bùi Tuấn Anh	8/22/1999				
4	TA0030	Lê Chí Thắng	4/27/1999				
5	TA0031	Đỗ Đức Kiên	3/24/1999				
6	TA0032	Đỗ Thị Anh	5/21/1999				
7	TA0033	Khúc Đại Việt	7/22/1999				
8	TA0034	Nguyễn Minh Hiếu	1/22/1999				
9	TA0035	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/13/1999				
10	TA0036	Phạm Nghĩa Bình	8/13/1996				
11	TA0037	Đặng Văn Duy	8/13/1999				
12	TA0038	Nguyễn Thuỳ Trang	3/20/1999				
13	TA0039	Thái Bá Tài	2/2/1998				
14	TA0040	Phan Hoàng Bích Ngọc	9/18/1999				
15	TA0041	Nguyễn Kim Cương	4/28/1999				
16	TA0042	Nguyễn Thị Tú Uyên	2/5/1999				
17	TA0043	Trần Đức Thắng	8/29/1999				
18	TA0044	Cao Thị Khánh Linh	9/24/1999				
19	TA0045	Thân Trọng Khánh	9/30/1999				
20	TA0046	Đoàn Diễm Quỳnh	9/8/1998				
21	TA0047	Lò Thuỳ Trang	1/15/1999				
22	TA0048	Nguyễn Thế Kỷ	11/23/1999				
23	TA0049	Nguyễn Đức Duy	12/5/1999				
24	TA0050	Nguyễn Trọng Khánh	5/25/1999				
25	TA0051	Ngô Quốc Chương Kiên	11/2/1999				
26	TA0052	Đào Văn Hiếu	7/20/1999				
27	TA0053	Nguyễn Thị Thu Trang	1/8/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)